

A. CẤU TRÚC ĐỀ

Phần 1: Đọc hiểu (4,0 điểm/5 câu), gồm:

- + Nhận biết: 2 câu (0,75điểm/câu)
- + Thông hiểu: 2 câu (0,75điểm/câu)
- + Vận dụng: 1 câu (1,0 điểm)

Phần 2: Viết (6,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm):

Viết 1 đoạn văn nghị luận (*khoảng 150 chữ*):

- Về một vấn đề xã hội
- Về một vấn đề văn học (đặt ra từ VB đọc hiểu)

Câu 2 (4,0 điểm): Viết bài văn thuyết minh (*khoảng 500 - 600 chữ*):

- + Về một tác phẩm VH
- + Về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội

Thời gian làm bài: 90 phút

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Đọc hiểu

1. Ngữ liệu

- Truyện thơ Nôm
- Thơ trữ tình
- Kí (Tùy bút, tản văn, truyện kí)
- Kiến thức tiếng Việt: BPTT lặp cấu trúc; BPTT đối; Một số hiện tượng phá vỡ những quy tắc ngôn ngữ thông thường.

(Tổng độ dài các ngữ liệu sử dụng trong đề không vượt quá 1300 chữ)

2. Các dạng câu hỏi đọc hiểu

A, Truyện thơ Nôm

Nhận biết:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, người kể chuyện, độc thoại nội tâm, bút pháp miêu tả, ngôn ngữ,...
- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học, thành ngữ trong truyện thơ Nôm.
- Chỉ ra được biện pháp tu từ lập cú pháp, biện pháp tu từ đối... trong văn bản.

Thông hiểu:

- Tóm tắt được cốt truyện của đoạn trích/ tác phẩm.
- Phân tích được đặc điểm, vai trò của của cốt truyện, nhân vật, chi tiết... trong truyện thơ Nôm.
- Phân tích, lí giải được ý nghĩa của ngôn ngữ, bút pháp nghệ thuật trong truyện thơ Nôm.
- Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản có nhiều chủ đề), tư tưởng, thông điệp của truyện thơ Nôm.

- Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ lặp cú pháp và biện pháp tu từ đối.

Vận dụng:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình văn bản, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về văn bản.
- Đánh giá được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ của tác phẩm.
- Đặt tác phẩm trong bối cảnh sáng tác và bối cảnh hiện tại để có đánh giá phù hợp. Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản.
- Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả trong truyện thơ Nôm.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị nhân văn, triết lí nhân sinh truyện thơ Nôm.
- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản đối với quan niệm, cách nhìn của cá nhân đối với văn học và cuộc sống.

b. Kí (Tùy bút, tản văn, truyện kí)

Nhận biết:

- Nhận biết được sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình trong tùy bút hoặc tản văn; giữa hư cấu và phi hư cấu trong truyện kí.
- Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật, các chi tiết tiêu biểu trong truyện kí.
- Chỉ ra được những thông tin tri thức mang tính hiện thực, khách quan và cách nhìn riêng, thái độ, quan điểm mang tính chủ quan của người viết.
- Nhận biết được hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong văn bản kí.

Thông hiểu:

- Phân tích được những đặc điểm của hình tượng trung tâm trong tùy bút, tản văn, truyện kí, ý nghĩa của hình tượng này trong tác phẩm.
- Phân tích được giá trị của các yếu tố tự sự, thuyết minh, miêu tả và đặc biệt là yếu tố trữ tình được người viết sử dụng một cách sáng tạo trong tùy bút.
- Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, tính phi hư cấu và một số thủ pháp nghệ thuật như: miêu tả, trần thuật; sự kết hợp chi tiết, sự kiện hiện thực với trải nghiệm, yếu tố chủ quan của người viết trong việc thể hiện nội dung văn bản.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc; phân tích sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng trong văn bản. Phân tích và đánh giá được sự phù hợp của người kể chuyện, điểm nhìn trong việc thể hiện chủ đề của văn bản.
- Phát hiện và lí giải được giá trị nhận thức, giáo dục và thẩm mỹ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh từ tác phẩm.
- Phân tích tác dụng của hiện tượng phá vỡ quy tắc ngôn ngữ thông thường trong văn bản kí.

Vận dụng:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá, phê bình tác phẩm, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.
- Rút ra bài học từ tác phẩm; thể hiện quan điểm đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm.

- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong tác phẩm.

- Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.

c. Thơ

Nhận biết:

- Nhận biết được thể thơ.
- Nhận biết được nhân vật trữ tình, chủ thể trữ tình trong bài thơ.
- Nhận biết được những hình ảnh, từ ngữ đặc sắc; vần, nhịp, đối trong bài thơ/ đoạn thơ.

Thông hiểu:

- Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ.
- Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ.
- Nêu được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ; phân tích được sự phù hợp giữa chủ đề, tư tưởng, cảm hứng chủ đạo trong bài thơ.
- Hiểu và lí giải được vai trò, tác dụng của hình ảnh, biểu tượng, vần thơ, nhịp điệu, nhạc điệu, đối, thi luật trong bài thơ.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị nhận thức, giáo dục, thẩm mĩ; giá trị văn hoá, triết lí nhân sinh trong bài thơ.
- Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ, trật tự từ trong một bài thơ/ đoạn thơ.

Vận dụng:

- Vận dụng được kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống và kiến thức văn học để đánh giá văn bản thơ, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân về tác phẩm.
- Vận dụng những hiểu biết về lịch sử, văn hóa để lí giải quan điểm của tác giả thể hiện trong văn bản thơ.
- Đánh giá được khả năng tác động của tác phẩm văn học đối với người đọc và tiến bộ xã hội theo quan điểm cá nhân.
- Thể hiện được quan điểm riêng trong tiếp nhận, đánh giá văn bản.

II. Viết

1. Viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề đặt ra trong VB đọc hiểu hoặc viết đoạn Nghị luận về một vấn đề xã hội

Nhận biết:

- Xác định được vấn đề cần nghị luận.
- Đảm bảo cấu trúc của đoạn văn và chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Thông hiểu:

- Biết cách triển khai vấn đề một cách hợp lí.
- Biết cách nêu quan điểm cá nhân về vấn đề.
- Biết cách sử dụng các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

Vận dụng:

- Biết so sánh, liên hệ, kết nối để làm nổi bật ý nghĩa của vấn đề nghị luận.
- Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho đoạn văn.

2. Viết văn bản thuyết minh về một tác phẩm văn học.

Nhận biết:

- Đảm bảo bố cục, cấu trúc của một văn bản thuyết minh.
- Giới thiệu được tác giả, tác phẩm được thuyết minh.

Thông hiểu:

- Nêu hoàn cảnh sáng tác, đặc điểm thể loại; tóm tắt được nội dung tác phẩm.
- Làm nổi bật được những thông tin cơ bản về giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm..
- Biết vận dụng các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận...để tạo sức hấp dẫn cho bài viết.

Vận dụng:

Khẳng định vị trí, đóng góp của tác phẩm đối với đời sống văn học

3. Viết văn bản thuyết minh về một sự vật, hiện tượng trong đời sống xã hội.**Nhận biết:**

- Đảm bảo bố cục, cấu trúc của một văn bản thuyết minh.
- Nêu rõ sự vật/hiện tượng xã hội được thuyết minh.

Thông hiểu:

- Trình bày một số thông tin cơ bản giúp người đọc hình dung bước đầu về sự vật/hiện tượng.
- Nêu, phân tích, làm sáng tỏ đặc điểm của sự vật/hiện tượng theo trình tự phù hợp.
- Biết vận dụng các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận...để tạo sức hấp dẫn cho bài viết.

Vận dụng:

- Vận dụng vốn sống, vốn hiểu biết của bản thân để đề xuất các giải pháp cần thiết (nếu cần).
- Rút ra ý nghĩa của việc thuyết minh.

C. KỸ NĂNG LÀM BÀI

1. Nắm vững kĩ năng làm văn: Phân tích đề, lập dàn ý bài văn thuyết minh.
2. Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận và kĩ năng viết bài văn thuyết minh để viết một bài văn thuyết minh có bố cục chặt chẽ, logic, diễn đạt rõ ràng, mạch lạc.

D. ĐỀ MINH HỌA**I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)**

Đọc văn bản sau:

MÙA HẠ

(1) Đó là mùa của những tiếng chim reo
Trời xanh biếc, nắng tràn lên khắp ngả
Đất thành cây, mặt trào lên vị quả
Bước chân người bỗng mở những đường đi

(2) Đó là mùa không thể giấu che
Cả vạn vật đều phơi trần dưới nắng
Biển xanh thẳm, cánh bướm lông lộng trắng

(4) Đó là mùa của những buổi chiều
Cánh diều giấy nghiêng vòm trời cao
vút
Tiếng dế thức suốt đêm dài oi bức
Tiếng cuốc dồn thúc giục nắng đang
trưa

(5) Mùa hạ của tôi, mùa hạ đã đi chưa

Từ những miền cay đắng hóa thành thơ.

(3) Đó là mùa của những ước mơ
Những dự vọng muôn đời không kể xiết
Gió bão hòa, mưa thành sông thành bể
Một thoáng nhìn có thể hóa tình yêu

Ôi tuổi trẻ bao khát khao còn, hết
Mà mặt đất màu xanh là vẫn biển
Quả ngọt ngào thắm thiết vẫn màu hoa.
(Xuân Quỳnh, *Thơ Xuân*
Quỳnh, NXB Văn học, 2016, tr. 34)

Thực hiện yêu cầu từ câu số 1 đến câu số 5:

Câu 1 (0,75 điểm): Chỉ ra cơ sở để xác định thể thơ của văn bản trên.

Câu 2 (0,75 điểm): Liệt kê những âm thanh của loài vật được nói đến trong bài thơ.

Câu 3 (0,75 điểm): Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ liệt kê trong khổ thơ (1):

Câu 4 (0,75 điểm): Điệp khúc *Đó là mùa...* ở đầu các khổ thơ (1), (2), (3), (4) có ý nghĩa gì?

Câu 5 (1,0 điểm): Qua bài thơ *Mùa hạ* của Xuân Quỳnh, anh/chị hãy nêu một thông điệp có ý nghĩa nhất và giải thích lý do vì sao chọn thông điệp đó (viết 5-7 câu)

II. VIẾT (6,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) cảm nhận về một vẻ đẹp bức tranh mùa hạ trong khổ thơ đầu bài thơ *Mùa hạ* của tác giả Xuân Quỳnh.

Câu 2. (4,0 điểm)

Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 500 - 600 chữ) thuyết minh về hiện tượng phân biệt đối xử dựa vào ngoại hình.

-----Hết-----

Đáp án

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	4,0
	Câu 1	- Văn bản trên được viết theo thể thơ: Tự do - Cơ sở để xác định: số tiếng trong mỗi câu không giống nhau.	0,75
	Câu 2	- Khổ (4) trong văn bản thơ miêu tả những âm thanh: tiếng chim reo, tiếng dế và tiếng cuốc.	0,75
	Câu 3	Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ liệt kê trong khổ thơ (1): - Biện pháp tu từ: liệt kê (<i>tiếng chim reo, trời xanh biếc, nắng tràn khắp ngả, đất thành cây, mặt trào lên vị quả</i>) - Tác dụng: + Về nghệ thuật: tăng tính biểu cảm, hấp dẫn, sinh động cho câu thơ + Về nội dung: cho thấy mùa hè đến với âm thanh rộn rã, màu sắc rực rỡ, tràn ngập hương vị ngọt ngào và căng tràn nhựa sống. - <i>Hướng dẫn chấm:</i> + <i>Xác định đúng biện pháp tu từ được 0,5 điểm</i>	0,75

		+ Nêu được đầy đủ hiệu quả nội dung và nghệ thuật được 0,5 điểm, chỉ nêu được hiệu quả nghệ thuật được 0,25 điểm	
	Câu 4	- Nhận xét ý nghĩa của điệp khúc <i>Đó là mùa...</i> ở đầu các khổ thơ (1), (2), (3), (4). - Về nội dung: Gọi tả cụ thể, sinh động những nét đặc trưng rất riêng của mùa hè trong cảm nhận của nhà thơ. - Về nghệ thuật: Tăng tính nhạc điệu, tính biểu cảm, hấp dẫn cho bài thơ. - <i>Hướng dẫn chấm: trả lời đúng mỗi ý được 0,5 điểm</i>	0,75
	Câu 5	- HS có thể chọn một trong số các thông điệp và đưa ra lí giải hợp lí, thuyết phục: - Mùa hạ - mùa của tuổi trẻ, của đam mê và khát vọng lớn lao, cần cháy hết mình cho tuổi trẻ. - Sự sống là vĩnh hằng bất diệt khi biết cháy hết mình với những khát vọng của tuổi trẻ. - Sống có ý nghĩa thì mùa hạ vẫn mãi bên ta... - <i>Hướng dẫn chấm:</i> + <i>Chỉ ra được đặc điểm mùa hạ của thiên nhiên và mùa hạ (tuổi trẻ) của đời người được 0,5 điểm</i> + <i>Ý nghĩa của sự tương đồng được 0,5 điểm.</i> + <i>Học sinh trình bày trong một đoạn văn, có thể triển khai theo các kiểu đoạn văn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp, móc xích, song hành.</i>	1,0
II		PHẦN VIẾT	6,0
	Câu 1	Anh/chị hãy viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) cảm nhận về một vẻ đẹp bức tranh mùa hạ trong khổ thơ đầu bài thơ <i>Mùa hạ</i> của Xuân Quỳnh.	2,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu về hình thức, dung lượng của đoạn văn</i> Xác định đúng yêu cầu về hình thức và dung lượng (khoảng 200 chữ) của đoạn văn. Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:</i> Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: vẻ đẹp bức tranh mùa hạ trong khổ thơ đầu bài thơ <i>Mùa hạ</i> của Xuân Quỳnh.	0,25
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề nghị luận.</i> Xác định được các ý phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận, sau đây là một số gợi ý: - Bức tranh thiên nhiên mùa hạ tươi sáng, căng tràn sức sống mang đặc trưng của làng quê. - Mùa hạ còn là mùa mà những chặng đường mới được mở ra. Hình ảnh hoán dụ <i>bước chân người</i> gợi liên tưởng đến những bước chân tuổi	0,5

		trẻ mạnh mẽ, nhiệt huyết tiến lên khám phá và mở ra những con đường mới. => Đoạn thơ cũng là tiếng nói của tuổi trẻ lạc quan và khát vọng cống hiến. - Sắp xếp hệ thống ý hợp lý theo đặc điểm của kiểu đoạn văn.	
		<i>d. Viết đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Lựa chọn các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận: vẻ đẹp của bức tranh mùa hạ. - Trình bày rõ quan điểm và hệ thống các ý. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục.	0,5
		<i>đ. Diễn đạt</i> - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt, liên kết câu trong đoạn văn	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	Câu 2	Anh/chị hãy viết bài văn (khoảng 500 chữ) thuyết minh về hiện tượng ô nhiễm môi trường hiện nay.	4,0
		<i>a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài</i> Xác định được yêu cầu của kiểu bài: thuyết minh về một hiện tượng xã hội	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần thuyết minh:</i> phân biệt đối xử dựa vào ngoại hình.	0,5
		<i>c. Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề thuyết minh:</i> - Xác định được các ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý theo bố cục hợp lí ba phần của bài văn thuyết minh: * Giới thiệu vấn đề thuyết minh và nêu rõ sự tồn tại của hiện tượng trong đời sống xã hội * Triển khai vấn đề thuyết minh: - Mô tả vấn đề “phân biệt đối xử dựa vào ngoại hình.” trong xã hội hiện nay. -Thuyết minh về bản chất của vấn đề phân biệt đối xử dựa vào ngoại hình. - Thuyết minh về nguyên nhân, hậu quả. - Đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề. * Rút ra ý nghĩa của việc nhận thức đúng về hiện tượng “phân biệt đối xử dựa vào ngoại hình”	1,0
		<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i>	1,5

		-Lời văn thuyết minh cần rõ ràng, mạch lạc; các cứ liệu phải chính xác, trung thực có tác dụng làm rõ hiện tượng. - Sử dụng linh hoạt các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận... nhằm tăng hiệu quả thuyết minh. Lưu ý: Học sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	
		<i>đ. Diễn đạt</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5